

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2022
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tấn – Đồng Thị Lý

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:450/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:178/2022/QĐST- HNGĐ ngày 10/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2022/QĐ-HPT ngày 21/11/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị T, sinh ngày 27/9/1986.

Nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Hà Nam (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Phạm Sỹ T, sinh ngày 09/9/1990.

Nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn Chị Ngô Thị T thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và Anh Phạm Sỹ T cưới nhau vào tháng 05/2011, hôn nhân trên cơ sở tình yêu, tự nguyện. Trước khi cưới Chị T, anh Thành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hà Nam

được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:54/2011 ngày 25/5/2011. Sau khi kết hôn Chị T, Anh T sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cơ bản là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, thường xuyên cờ bạc, nợ nần đã gây ra những hệ lụy cho cuộc sống chung, gây tổn thương về tinh thần cho Chị T. Để duy trì hôn nhân Chị T đã khuyên bảo, góp ý để Anh T từ bỏ, sửa đổi những thói hư tật xấu của bản thân với mục đích xây dựng hôn nhân bền vững, nhưng Anh T không từ bỏ được, ngày càng có dấu hiệu hư hỏng hơn. Do mâu thuẫn xảy ra liên tục trong cuộc sống chung đã làm mất tình cảm vợ chồng, hôn nhân đổ vỡ. Chị T xác định hôn nhân giữa chị và Anh T đã hoàn toàn đổ vỡ, nên Chị T đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ với Anh T sau thời gian chung sống chung với chồng được một năm. Quá trình sống ly thân hai bên cắt đứt tất cả các mối quan hệ, không liên lạc, quan tâm đến nhau nữa, Chị T đề nghị giải quyết ly hôn Anh Phạm Sỹ T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Phạm Quỳnh Anh (Giới tính: nữ), sinh ngày 01/8/2012. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung do Chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Anh T không có trách nhiệm gì đối với con chung. Nếu ly hôn Chị T yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Ngô Thị T không yêu cầu tòa giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Phạm Sỹ T, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, do đó Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của anh để lưu lại tại hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa Chị Ngô Thị T và Anh Phạm Sỹ T cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện và tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện vụ án “Yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con” của Chị Ngô Thị T đối với Anh Phạm Sỹ T là Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với nguyên đơn, bị đơn yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng Anh T bị đơn không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt hợp lệ đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Anh Phạm Sỹ T.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa Chị Ngô Thị T, Anh Phạm Sỹ T đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị T, Anh T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hà Nam được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 54/2011 ngày 25/5/2011, nên xác định hôn nhân giữa Chị Ngô Thị T và Anh Phạm Sỹ T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa Chị T, Anh T tan rã, đổ vỡ là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung hôn nhân. Anh T không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững đối với Chị T, sống thiếu trách nhiệm đối với vợ con. Từ ngày vợ chồng sống ly thân đến lúc Chị T làm đơn xin ly hôn đối Anh T tại Tòa án đã gần 10 năm, thời gian này vợ chồng không có ý thức níu kéo hôn nhân, để mặc hậu quả xảy ra. Từ đó cho thấy hôn nhân của Chị T, Anh T đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết hôn nhân giữa Chị T và Anh T không còn. Nay Chị Ngô Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Phạm Sỹ T là có căn cứ, cần xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị Ngô Thị T được ly hôn Anh Phạm Sỹ T.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được Chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy không có sự hỗ trợ của Anh T về vật chất, tinh thần để nuôi con chung, nhưng Chị T đã nuôi dạy con tốt, con

chung phát triển tốt về mọi mặt. Chị T đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng, phù hợp với pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Chị Ngô Thị T đối với Anh Phạm Sỹ T.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do Chị T không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị Ngô Thị T không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Buộc Chị Ngô Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Ngô Thị T được ly hôn Anh Phạm Sỹ T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Phạm Quỳnh A (Giới tính: nữ), sinh ngày 01/8/2012 cho Chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh Phạm Sỹ T cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Phạm Sỹ T người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, năn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc: Chị Ngô Thị T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0012142 ngày 05/10/2022. Chị Ngô Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã T(Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc